

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2014/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2014

THÔNG TƯ**Quy định về Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định việc trích nộp phí tham gia, quản lý và sử dụng Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân (sau đây gọi tắt là Quỹ bảo toàn) nhằm hỗ trợ bảo đảm an toàn cho hoạt động của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.

2. Quỹ bảo toàn là một quỹ tài chính của hệ thống tổ chức tín dụng là hợp tác xã (bao gồm ngân hàng hợp tác xã và các quỹ tín dụng nhân dân) do ngân hàng hợp tác xã lập trên cơ sở phí trích nộp của ngân hàng hợp tác xã và các quỹ tín dụng nhân dân thành viên, đặt tại ngân hàng hợp tác xã và do ngân hàng hợp tác xã quản lý, sử dụng theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng hợp tác xã.
2. Các quỹ tín dụng nhân dân.
3. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc trích nộp phí tham gia, quản lý và sử dụng Quỹ bảo toàn.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

1. Quỹ bảo toàn là quỹ tài chính thuộc sở hữu chung của thành viên (ngân hàng hợp tác xã và các quỹ tín dụng nhân dân) do ngân hàng hợp tác xã quản lý và sử dụng theo quy định tại Thông tư này.

2. Quỹ bảo toàn được sử dụng để cho vay hỗ trợ có hoàn trả cho quỹ tín dụng nhân dân khi gặp khó khăn về tài chính, khó khăn chi trả để có thể khắc phục trở lại hoạt động bình thường.

3. Hoạt động của Quỹ bảo toàn không vì mục tiêu lợi nhuận, theo nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

4. Chi phí hoạt động Quỹ bảo toàn được bù đắp từ lãi cho vay, đầu tư của Quỹ bảo toàn.

5. Nguồn vốn nhân rồi của Quỹ bảo toàn được sử dụng trên nguyên tắc đảm bảo an toàn nguồn vốn và đáp ứng yêu cầu cho vay hỗ trợ các quỹ tín dụng nhân dân.

**Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ****Điều 4. Trích nộp Quỹ bảo toàn**

1. Ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân (trừ trường hợp đang bị áp dụng kiểm soát đặc biệt) có trách nhiệm trích nộp phí tham gia đầy đủ, đúng hạn vào Quỹ bảo toàn một năm một lần trước ngày 31/01 của năm tiếp theo. Việc trích nộp phí tham gia Quỹ bảo toàn của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại Thông tư này bắt đầu thực hiện từ năm tài chính 2014.

2. Mức phí trích nộp hàng năm bằng 0,08% dư nợ cho vay bình quân của năm liền kề trước kết thúc vào ngày 31/12 của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.

Dư nợ cho vay bình quân năm được tính bằng tổng dư nợ cho vay (nhóm 1 và nhóm 2 theo quy định về phân loại nợ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) tại thời điểm cuối mỗi tháng trong năm chia cho số tháng phải tính thực tế. Riêng đối với ngân hàng hợp tác xã, số dư nợ cho vay nêu trên được loại trừ phần dư nợ cho vay điều hòa vốn đối với các quỹ tín dụng nhân dân thành viên.

Khi tổng nguồn vốn hoạt động của Quỹ bảo toàn đạt 1,5 lần tổng tài sản có của hệ thống tổ chức tín dụng là hợp tác xã, Quỹ bảo toàn sẽ tạm thời ngừng thu phí tham gia của các thành viên và tiếp tục thu phí khi tổng nguồn vốn hoạt động của Quỹ bảo toàn thấp hơn mức nêu trên.

Số tiền trích nộp Quỹ bảo toàn được hạch toán vào chi phí hoạt động của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.

3. Chênh lệch thu từ lãi và chi phí trong hoạt động của Quỹ bảo toàn, lợi nhuận được để lại từ nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước tại ngân hàng hợp tác xã theo quy định pháp luật được sử dụng bổ sung Quỹ bảo toàn.

Điều 5. Quản lý Quỹ bảo toàn

1. Quỹ bảo toàn được quản lý theo Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bảo toàn do ngân hàng hợp tác xã xây dựng và ban hành sau khi được Đại hội thành viên ngân hàng hợp tác xã thông qua để thực hiện trong toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bảo toàn phải được Đại hội thành viên ngân hàng hợp tác xã thông qua.

2. Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bảo toàn tối thiểu phải có các nội dung sau:

a) Nguyên tắc tổ chức quản lý, sử dụng Quỹ bảo toàn là cho vay hỗ trợ có hoàn trả cho quỹ tín dụng nhân dân khi gặp khó khăn về tài chính, khó khăn chi trả để có thể khắc phục trở lại hoạt động bình thường; không vì mục tiêu lợi nhuận, tự chủ, tự chịu trách nhiệm;

b) Các quy định cụ thể về việc sử dụng Quỹ bảo toàn, trong đó:

- Quỹ tín dụng nhân dân được vay hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư này;

- Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị cho vay hỗ trợ;

- Mức cho vay hỗ trợ; thời hạn cho vay hỗ trợ; lãi suất cho vay hỗ trợ; các cam kết khi nhận cho vay hỗ trợ.

c) Cơ chế giải ngân nguồn vốn cho vay hỗ trợ;

d) Các biện pháp theo dõi, chấn chỉnh, củng cố hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân được vay hỗ trợ; cơ chế kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay của quỹ tín dụng nhân dân được hỗ trợ;

đ) Nguyên tắc, điều kiện, thẩm quyền xử lý rủi ro đối với các khoản cho vay hỗ trợ không thu hồi được vốn;

e) Việc sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Quỹ bảo toàn;

g) Cơ chế thu, chi tài chính phục vụ cho hoạt động của Quỹ bảo toàn theo quy định của pháp luật có liên quan;

h) Quy định chế độ báo cáo của các quỹ tín dụng nhân dân được vay hỗ trợ.

Điều 6. Sử dụng Quỹ bảo toàn

1. Quỹ bảo toàn được sử dụng để cho vay hỗ trợ các quỹ tín dụng nhân dân khi gặp khó khăn về tài chính, khó khăn chi trả để có thể khắc phục trở lại hoạt động bình thường.

2. Trên cơ sở đảm bảo an toàn nguồn vốn và đáp ứng yêu cầu cho vay hỗ trợ các quỹ tín dụng nhân dân, nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Quỹ bảo toàn được: